TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 4 - 2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tuyển.

2. Bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2022/TLST - HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/3/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1984.

Trú tại: Xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lưu Văn N, sinh năm 1977.

Nơi ĐKHKTT: Xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Trại giam Đ, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông bà sau một thời gian quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/7/2004.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng ông bà sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Đồng

thời, từ năm 2014 đến nay ông N đang phải đi chấp hành án tại trại giam Đ, huyện M, tỉnh Đắk Lắk nên tình cảm vợ chồng ông bà đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nay bà B làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông N tại Toà án nhân dân huyện Krông Pắc và có nguyện vọng là được ly hôn.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị B và ông Lưu Văn N có 02 con chung là cháu Lưu N, sinh ngày 25/3/2006 và cháu Lưu Hoa P, sinh ngày 07/11/2008. Nguyện vọng của bà B là được nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu ông Lưu Văn N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2022, ông Lưu Văn N trình bày:

Ông N và bà B đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/7/2004.

Sau khi về chung sống được một thời gian thì vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau. Hiện nay, ông N đang chấp hành án tại Trại giam Đ, huyện M. Ông N đi chấp hành án từ năm 2014 đến nay, việc này khiến cho tình cảm vợ chồng ông bà đã không còn. Vì vậy, nay bà B nộp đơn xin ly hôn với ông N thì ông N đồng ý ly hôn với bà B.

Về con chung: Qúa trình chung sống ông N và bà B có 02 con chung là cháu Lưu N, sinh ngày 25/3/2006 và cháu Lưu Hoa P, sinh ngày 07/11/2008. Ông N đồng ý giao hai cháu cho bà B nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Ông Lưu Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử, các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Lưu Văn N.

Về con chung: Giao cháu Lưu N, sinh ngày 25/3/2006 và cháu Lưu Hoa P, sinh ngày 07/11/2008 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ chung: Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B khởi kiện xin ly hôn với ông Lưu Văn N có nơi ĐKHKTT tại xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị B, ông Lưu Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vụ án là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị B và ông Lưu Văn N là hợp pháp, được pháp luật công nhận thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65 cấp ngày 05 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào lời khai của bà B, ông N, thì Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa bà B và ông N là trầm trọng, không thể khắc phục được. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, ông N đã đi chấp hành án tại Trại giam Đ từ năm 2014 đến nay, nên tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà B và ông N không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B về việc xin ly hôn với ông N là có cơ sở pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị B và ông Lưu Văn N có hai con chung là cháu Lưu N, sinh ngày 25/3/2006 và cháu Lưu Hoa P, sinh ngày 07/11/2008. Hiện nay, các cháu đang sống với bà B và nguyện vọng của bà B là được nuôi dưỡng các cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay, ông N đang phải chấp hành án tại Trại giam Đ, huyện M, ông N đồng ý giao hai con chung cho bà B nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, nguyện vọng của bà B là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con chung,

phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Lưu N, sinh ngày 25/3/2006 và cháu Lưu Hoa P, sinh ngày 07/11/2008 cho bà Nguyễn Thị B nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ông Lưu Văn N được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, ông Lưu Văn N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu ông Lưu Văn N cấp dưỡng nuôi con chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Nguyễn Thị B, ông Lưu Văn N không yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Lưu Văn N.

Về con chung: Giao cháu Lưu N, sinh ngày 25/3/2006 và cháu Lưu Hoa P, sinh ngày 07/11/2008 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Ông Lưu Văn N được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, ông Lưu Văn N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí

tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Nguyễn Thị B, ông Lưu Văn N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0015832 ngày 11/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Hòa An;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Huyền Trang